TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2019/QĐST-HNGĐ	

Gia Lâm, ngày 11 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 505/2018/TLST/HNGĐ, ngày 24/12/2018, giữa:

Nguyên đơn: anh **N.V.N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh B.

Bị đơn: chị **L.T.L**, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn 1, xã K, huyện G, Thành phố H

Căn cứ vào Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N.V.N và chị L.T.L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: anh N.V.N và chị L.T.L có 01 con chung là cháu N.L.U.P, sinh ngày 12/10/2014. Chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu P, anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị L là

2.000.000 (hai triệu) đồng một tháng kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: anh N.V.N và chị L.T.L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh N.V.N tự nguyện chịu cả 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2010/0004082, ngày 24/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Anh N không phải nộp thêm tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm**.**

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện Gia Lâm
- TAND TP Hà Nội
- THADS huyện Gia Lâm
- UBND xã Quý Sơn, H. Lục Ngan, Bắc Giang (ĐKKH số 154/2013, quyển số 01/2013, Đăng ký ngày 04/11/2013)
- Lưu: hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Thái Thị Hà Thu

TOÀ ÁN NHÂN DÂN……[1]	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:……/……/QĐST-HNGĐ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

…., ngày…… tháng …… năm ……

QUYẾT ĐỊNH
CẽNG NHẬN THUẬN TèNH LY HẽN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa[2]:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đỡnh;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…..tháng……năm …..

XÉT THẤY:

Việc thuận tỡnh ly hụn và thoả thuận của cỏc đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…. tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xó hội.
Đó hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biờn bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Cụng nhận sự thuận tỡnh ly hụn giữa [3] .....
.....
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[4] .....
.....
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:	**THẨM PHÁN**
- Đương sự;	*(Ký tờn, ghi rừ họ tờn, đóng dấu)*
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;	
- Cơ quan đó thực hiện việc đăng kết hôn;	
- Lưu hồ sơ vụ án.	

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thỡ cần ghi rừ Toà ỏn nhõn dõn huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thỡ ghi rừ Toà ỏn nhõn dõn tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đó được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).